



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

6. GABBHĀVAKKANTIPAÑHO

“**Bhante nāgasena, bhāsitampetaṃ bhagavatā ‘tiṇṇaṃ kho pana bhikkhave sannipātā gabbhassa avakkanti hoti. Idha mātāpitaro ca sannipatitā honti. Mātā ca utunī hoti. Gandhabbo ca paccupaṭṭhito hoti. Imesaṃ kho bhikkhave tiṇṇaṃ sannipātā gabbhassa avakkanti hoti**”ti. Asesavacanametam, nissesavacanametam, nippariyāyavacanametam, arahassavacanametam, sadevamanussānaṃ majjhe nisīditvā bhaṇitaṃ. Ayañca dvinnaṃ sannipātā gabbhassa avakkanti dissati dukūlena tāpasena pārīkāya tāpasīyā utunīkāle dakkhiṇena hatthaṅguṭṭhena nābhi parāmaṭṭhā, tassa tena nābhiparāmasanena sāmo kumāro nibbatto. Mātaṅgenāpi isinā brāhmaṇakaññāya utunīkāle dakkhiṇena hatthaṅguṭṭhena nābhi parāmaṭṭhā. Tassa tena parāmasanena maṇḍavyo māṇavako nibbatto ’ti. Yadi bhante nāgasena bhagavatā bhaṇitaṃ: “Tiṇṇaṃ kho pana bhikkhave sannipātā gabbhassa avakkanti hoti ’ti, tena hi ‘sāmo ca kumāro maṇḍavyo ca māṇavako ubho ’pi te nābhiparāmasanena nibbattā ’ti yaṃ vacanaṃ taṃ micchā. Yadi tathāgatena bhaṇitaṃ ‘sāmo kumāro ca maṇḍavyo ca māṇavako nābhiparāmasanena nibbattā ’ti, tena hi ‘tiṇṇaṃ kho pana bhikkhave sannipātā gabbhassa avakkanti hoti ’ti yaṃ vacanaṃ taṃ micchā. Ayampi ubhatokotiko pañho sugambhīro, sunipuṇo, visayo buddhimantānaṃ. So tavānuppatto. Chinda vimatipathaṃ. Dhārehi ñāṇavarapajjotaṃ ”ti.

2. “Bhāsitampetaṃ mahārāja bhagavatā: “Tiṇṇaṃ kho pana bhikkhave sannipātā gabbhassa avakkanti hoti. Idha mātāpitaro ca sannipatitā honti. Mātā ca utunī hoti. Gandhabbo ca paccupaṭṭhito hoti. Evaṃ tiṇṇaṃ sannipātā gabbhassa avakkanti hoti ”ti. Bhanitañca ‘sāmo kumāro maṇḍavyo ca māṇavako nābhiparāmasanena nibbattā ”ti.

“Tena hi bhante nāgasena yena kāraṇena pañho suvinicchito hoti, tena kāraṇena maṃ saññāpehī ”ti.¹

3. “Sutapubbaṃ pana tayā mahārāja saṃkicco ca kumāro isisiṅgo ca tāpaso thero ca kumārakassapo iminā nāma te nibbattā ”ti?

“Āma bhante suyayati. Abbhuggatā tesam jāti. Dve migadhenuyo tāva utunīkāle dvinnaṃ tāpasānaṃ passāvattānaṃ āgantvā sasambhavaṃ passāvaṃ pivimsu, tena passāvasambhavena saṃkicco ca kumāro isisiṅgo ca tāpaso nibbatto.

¹ saññāpehī ti.

6. CÂU HỎI VỀ SỰ NHẬP VÀO BÀO THAI:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘Này các tỳ khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. Ở đây, người mẹ và người cha kết hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt, và chúng sanh đi đâu thai đã sẵn sàng. Này các tỳ khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố này.’ Đây là lời nói không thiếu sót, đây là lời nói đầy đủ, đây là lời nói không thay đổi, đây là lời nói xứng đáng, đã được nói (bởi đức Thế Tôn) sau khi ngồi xuống ở giữa chư Thiên và nhân loại. Và việc nhập vào bào thai này được hội tụ bởi hai yếu tố đã được nhìn thấy: ‘Vào thời kỳ kinh nguyệt của nữ đạo sĩ Pārikā, lỗ rún của nàng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của đạo sĩ Dukūla, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà đứa bé trai Sāma được sanh ra.’¹ Vào thời kỳ kinh nguyệt của cô gái Bà-la-môn, lỗ rún của nàng cũng đã bị chạm vào bởi ngón tay cái bên phải của vị ẩn sĩ Mātanga, do việc chạm vào lỗ rún ấy của vị ấy mà thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya được sanh ra.’² Thưa ngài Nāgasena, nếu điều đã được nói bởi đức Thế Tôn là: ‘Này các tỳ khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố,’ như thế thì lời nói rằng: ‘Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún’ là sai trái. Nếu điều đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún,’ như thế thì lời nói rằng: ‘Này các tỳ khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố’ là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, vô cùng sâu xa, vô cùng khôn khéo, là lãnh vực dành cho những bậc có sự giác ngộ. Nó được dành cho ngài. Xin ngài hãy chặt đứt mối hoài nghi. Xin ngài hãy nắm giữ ngọn đèn cao quý của trí tuệ.”

2. “Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘Này các tỳ khuru, sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố. Ở đây, người mẹ và người cha kết hợp với nhau, người mẹ có kinh nguyệt, và chúng sanh đi đâu thai đã sẵn sàng. Sự nhập vào bào thai được hội tụ bởi ba yếu tố như vậy.’ Và có điều đã được nói là: ‘Bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya, cả hai người ấy được sanh ra do sự chạm vào lỗ rún.’”

“Thưa ngài Nāgasena, như thế thì câu hỏi được xác định bằng lý lẽ nào, xin ngài giúp cho thâm hiểu theo lý lẽ ấy.”

3. “Tâu đại vương, phải chăng ngài trước đây đã được nghe là thanh niên Saṃkicca, đạo sĩ Isisīṅga,³ và trưởng lão Kumārakassapa, những người ấy được sanh ra do việc này?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Có được nghe. Việc sanh ra của những người ấy được loan truyền. Hai con nai cái, nhằm vào thời kỳ kinh nguyệt, đã đi đến chỗ tiểu tiện của hai vị đạo sĩ rồi uống nước tiểu có lẫn tinh dịch của họ, do tinh dịch ở nước tiểu ấy mà thanh niên Saṃkicca và đạo sĩ Isisīṅga được sanh ra.

¹ Bốn sanh 540.

² Bốn sanh 497.

³ Bốn sanh 523.

Therassa udāyissa bhikkhunūpassayaṃ upagatassa rattacittena bhikkhuniyā aṅgajātaṃ upanijjhāyantassa sambhavaṃ kāsāve mucci. Atha kho āyasmā udāyī taṃ bhikkhuniṃ etadavoca: ‘Gaccha bhagini, udakaṃ āhara, antaravāsakaṃ dhovissāmī ’ti. ‘Āharayye, ahameva dhovissāmī ’ti. Tato sā bhikkhunī utunīsamaye taṃ sambhavaṃ ekadesaṃ mukhena aggahesi. Ekadesaṃ aṅgajāte pakkhipi. Tena thero kumārakassapo nibbatta ’ti evaṃ cetāṃ jano āhā ”ti.

“Api nu kho tvaṃ mahārāja saddhasi taṃ vacānaṃ ”ti?

“Āma bhante. Balavaṃ tattha kāraṇaṃ upalabhāma yena mayaṃ kāraṇena saddahāma ’iminā kāraṇena nibbatta ”ti.¹

Kimpanettha mahārāja kāraṇaṃ ”ti?

“Suparikammakate bhante kalale bijaṃ nipatitvā khippaṃ saṃvirūhati ”ti?

“Āma mahārājā ”ti.

“Evameva kho bhante sā bhikkhunī utunī samānā saṅghite kalale rudhire pacchinnavege ṭhapitāya dhātuyā taṃ sambhavaṃ gahetvā tasmiṃ kalale pakkhipi. Tena tassā gabbho saṅghāsi. Evaṃ tattha kāraṇaṃ paccema tesāṃ nibbattiyā ”ti.

“Evametāṃ mahārāja yathā sampaṭicchāmi yonippavesena gabbho sambhavatī ’ti. Sampāṭicchasi pana tvaṃ mahārāja therassa kumārakassapassa gabbhāvakkamanaṃ ”ti?

“Āma bhante ”ti.

“Sādhu mahārāja paccāgato ’si mama visayaṃ. Ekavidhenapi gabbhassāvakkantiṃ kathayanto mamānubalaṃ bhavissasi. Atha yā pana tā dve migadhenuyo passāvaṃ pivitvā gabbhaṃ paṭilabhiṃsu, tāsāṃ tvaṃ saddhasi gabbhassāvakkamanaṃ ”ti?

“Āma bhante. Yaṃ kiñci bhuttaṃ pītaṃ khāyitaṃ lehitāṃ sabbantaṃ kalalaṃ osarati. Ṭhānagataṃ vuddhimāpajjati. Yathā nāma bhante nāgasena yā kāci saritā nāma, sabbā tā mahāsamuddaṃ osaranti, ṭhānagatā vuddhimāpajjanti, evameva kho bhante nāgasena yaṃ kiñci bhuttaṃ pītaṃ khāyitaṃ lehitāṃ. Sabbantaṃ kalalaṃ osarati, ṭhānagataṃ vuddhimāpajjati. Tenāhaṃ kāraṇena saddahāmi mukhagatenapi gabbhassāvakkanti hotī ”ti.

“Sādhu mahārāja. Bālhataraṃ upagato ’si mama visayaṃ. Mukhapaṇenapi dvayaṃsannipāto² bhavati. Saṃkiccassa ca mahārāja isisiṅgassa tāpasassa therassa ca kumārakassapassa gabbhāvakkamanaṃ sampāṭicchasi ”ti?

“Āma bhante. Sannipāto osarati ”ti.

¹ nibbattā ti - Ma, PTS.

² dvayasannipāto - Ma.

Trưởng lão Udāyi đã đi đến chỗ ngụ của tỳ khưu ni, trong lúc suy tưởng đến chỗ kín của vị tỳ khưu ni với tâm ái luyến, đã bị xuất ra tinh dịch ở y ca-sa. Khi ấy, đại đức Udāyi đã bảo vị tỳ khưu ni ấy điều này: ‘Này sư tỷ, hãy đi và đem lại nước. Tôi sẽ giặt y nội.’ - ‘Thưa ngài, hãy đưa đây. Chính tôi sẽ giặt.’ Sau đó, vị tỳ khưu ni ấy, đang ở vào thời kinh nguyệt, đã dùng miệng nuốt vào một phần tinh dịch ấy, còn một phần đã đưa vào chỗ kín.¹ Do việc ấy, trưởng lão Kumārakassapa đã được sanh ra.’ Và người ta đã nói về điều ấy như vậy.”

“Tâu đại vương, vậy ngài có tin vào lời nói ấy không?”

“Thưa ngài, có chứ. Chúng tôi chấp nhận lý do trong trường hợp ấy là vững chắc, vì lý do ấy chúng tôi tin rằng: ‘Họ đã được sanh ra bởi lý do ấy.’”

“Tâu đại vương, ở đây điều gì là nguyên nhân?”

“Thưa ngài, phải chăng khi hạt giống được gieo vào mảnh đất ẩm đã được chuẩn bị kỹ lưỡng thì sẽ nhanh chóng nảy mầm?”

“Tâu đại vương, đúng vậy.”

“Thưa ngài, tương tự y như thế vị tỳ khưu ni ấy, khi đang có kinh nguyệt, khi noãn sào đã được thành lập, khi máu kinh có sức chảy đã ngưng lại, khi điều kiện đã được xác định, cô ấy đã nhận lấy tinh dịch ấy rồi đưa vào ở chỗ noãn sào ấy. Vì thế, bào thai đã thành tựu cho cô ấy. Chúng tôi ghi nhận lý do như vậy đối với việc sanh ra của những người ấy.”

“Tâu đại vương, điều ấy là như vậy. Theo đó, tôi chấp nhận là do sự xâm nhập vào tử cung mà bào thai được hình thành. Tâu đại vương, phải chăng ngài chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của trưởng lão Kumārakassapa?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, lành thay! Ngài đã đi theo đường lối của tôi. Mặc dầu chỉ theo một cách thức trong khi nói về việc nhập vào bào thai, ngài cũng sẽ đi theo sự thuyết phục của tôi. Giờ đến hai con nai cái đã đạt được bào thai sau khi uống nước tiểu, đối với chúng thì ngài có tin về sự nhập vào bào thai không?”

“Thưa ngài, có chứ. Bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa ngài Nāgasena, giống như bất cứ cái gì gọi là dòng nước chảy, tất cả đều chảy xuôi về đại dương, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Thưa ngài Nāgasena, tương tự y như thế bất cứ vật gì được ăn, được uống, được nhai, được liếm, thì tất cả đều trôi xuống noãn sào, rồi đạt đến sự phát triển ở nơi đã đi đến. Vì lý do ấy, trăm tin về sự nhập vào bào thai cũng do vật đã được đưa vào miệng.”

“Tâu đại vương, lành thay! Ngài đã đi theo đường lối của tôi một cách vững chắc hơn. Cũng do việc uống vào miệng mà có sự hội tụ của hai trường hợp. Tâu đại vương, phải chăng ngài chấp nhận là có sự nhập vào bào thai của Saṃkicca, của đạo sĩ Isisinga, và của trưởng lão Kumārakassapa?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Đã được hội tụ thì trôi xuống.”

¹ Điều Nissaggiya Pācittiya thứ 4, TTPV tập 02, trang 518.

5. “Sāmo ’pi mahārāja kumāro maṇḍavyo ’pi māṇavako tīsu sannipātesu antogadhā ekarasā yeva purimena. Tattha kāraṇaṃ vakkhāmi. Dukūlo ca mahārāja tāpaso pārikā ca tāpasī ubho ’pi te araññavāsā ahesuṃ pavivekādhimuttā uttamattagavesakā, tapatejena yāvabrahmalokā santāpesuṃ. Tesuṃ tadā sakko devānamindo sāyampātaṃ upaṭṭhānaṃ āgacchati. So tesuṃ garugatamettatāya upadhārento addasa anāgatamaddhāne dvinnampi tesuṃ cakkhūnaṃ antaradhānaṃ. Disvā te evamāha: ‘Ekaṃ me bhonto vacanaṃ karotha. Sādhu ekaṃ puttaṃ janeyyātha. So tumhākaṃ upaṭṭhāko bhavissati ālambano cā ’ti. ‘Alaṃ kosiya mā evaṃ bhaṇī ’ti. Te tassa taṃ vacanaṃ na sampatiṇṇesu. Ānukampako atthakāmo sakko devānamindo dutiyampi tatiyampi te evamāha: ‘Ekaṃ me bhonto vacanaṃ karotha. Sādhu ekaṃ puttaṃ janeyyātha. So tumhākaṃ upaṭṭhāko bhavissati ālambano cā ’ti. Tatiyampi te āhaṃsu: ‘Alaṃ kosiya, mā tvaṃ amhe anatto niyojehi. Kadāyaṃ kāyo na bhijjissati. Bhijjatu ayaṃ kāyo bhedanadhammo. Bhijjantiyā ’pi dharaṇiyā patante ’pi selasikhare phalante ’pi ākāse patantesupi candimasuriyesu¹ neva mayaṃ lokadhammehi missiyissāma. Mā tvaṃ amhākaṃ sammukhībhāvaṃ upagaccha. Upagatassa te eso vissāso. Anattacaro tvaṃ maññe ’ti. Tato sakko devānamindo tesuṃ manaṃ alabhamāno garukato pañjaliko puna yāci: ‘Yadi me vacanaṃ na ussahatha kātuṃ, yadā tāpasī utunī hoti pupphavatī, tadā tvaṃ bhante dakkhiṇena hatthaṅgutṭhena nābhiṃ parāmaseyyāsī. Tena sā gabbhaṃ lacchati. Sannipāto yevesa gabbhāvakkantiyā ’ti. ‘Sakkomahaṃ kosiya taṃ vacanaṃ kātuṃ. Na tāvatakena amhākaṃ tapo bhijjissati. Hotū ’ti sampatiṇṇesu.

Tāya ca pana velāya devabhavane atthi devaputto ussannakusalamūlo khīṇāyuko āyukkhayaṃ patto, yadicchakaṃ samatto okkamituṃ api cakkavattikule ’pi. Atha sakko devānamindo taṃ devaputtaṃ upasaṅkamitvā evamāha: ‘Ehi kho mārisa, suppbhāto te divaso. Atthasiddhi upagatā yamaṃ te upaṭṭhānamāgamiṃ, ramaṇīye te okāse vāso bhavissati, patirūpe kule paṭisandhi bhavissati, sundarehi mātāpitūhi vaḍḍhetabbo bhavissasi, ehi me vacanaṃ karohī ’ti yāci. Dutiyampi tatiyampi yāci sirasi pañjalikato. Tato so devaputto evahāha: ‘Katamaṃ pana taṃ mārisa kulaṃ yaṃ tvaṃ abhikkhaṇaṃ kittayasi punappunan ’ti? ‘Dukūlo ca tāpaso pārikā ca tāpasī ’ti. So tassa vacanaṃ sutvā tuṭṭho sampatiṇṇesu: ‘Sādhu mārisa. Yo tava chando so hotu. Ākaṅkhamāno ahaṃ mārisa patthite kule uppajjeyyaṃ. Kimhi kule uppajjāmi aṇḍaje vā jalābuje vā saṃsedaje vā opapātike vā ’ti? ‘Jalābujāya mārisa yoniyā uppajjāhī ’ti.

¹ patantepi candimasuriye - Ma, PTS.

5. “Tâu đại vương, bé trai Sāma và thanh niên Bà-la-môn Maṇḍavya đều có chung một tính chất, được xếp vào ba sự hội tụ theo trường hợp đầu tiên. Tôi sẽ nói về lý do của trường hợp này. Tâu đại vương, đạo sĩ Dukūla và nữ đạo sĩ Pārikā, cả hai người ấy đã có sự cư ngụ ở trong rừng, có khuynh hướng viên ly, là những người theo đuổi mục đích tối thượng, do quyền năng của sự khổ hạnh họ đã hâm nóng cho đến thế giới Phạm Thiên. Khi ấy, Thiên chủ Sakka ngày đêm đi đến phục vụ cho họ. Trong khi quan tâm đến họ bằng tâm từ được thể hiện với sự kính trọng, Thiên chủ Sakka đã nhìn thấy sự hư hoại thị giác của cả hai người họ vào thời vị lai xa xăm, sau khi nhìn thấy đã nói với họ rằng: ‘Này hai vị, hãy thực hiện cho trăm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vị.’ ‘Này Kosiya, thôi đi! Chớ có lời nói như vậy.’ Họ đã không chấp nhận lời nói ấy của vị ấy. Là người có lòng bi mẫn, có sự mong mỏi điều lợi ích, Thiên chủ Sakka đã nói với họ như thế đến lần thứ nhì, đến lần thứ ba rằng: ‘Này hai vị, hãy thực hiện cho trăm một việc. Tốt thay, hai vị hãy sanh ra một người con trai. Nó sẽ là người phục vụ và đỡ đần cho hai vị.’ Đến lần thứ ba, họ đã nói rằng: ‘Này Kosiya, thôi đi! Ngài chớ ràng buộc chúng tôi vào việc không có lợi ích. Thân này sẽ không tan rã cho đến khi nào? Thân này có sự tan rã là pháp tự nhiên, hãy để nó tan rã. Cho đâu trái đất đang bị tan rã, cho đâu đỉnh núi đang rơi xuống, cho đâu bầu trời đang bị nứt ra, cho đâu mặt trăng mặt trời đang sụp xuống, chúng tôi cũng không bao giờ hòa nhập với các pháp thế tục. Ngài chớ đến gần đối mặt với chúng tôi. Chúng tôi nghĩ ngài là hạng làm điều không có lợi ích; điều ấy là sự tin chắc khi ngài đi đến gần.’ Do đó, trong khi không đạt được tâm ý của họ, Thiên chủ Sakka đã thể hiện sự kính trọng, chấp tay lên, thỉnh cầu lần nữa: ‘Nếu hai vị không nỗ lực để thực hiện lời nói của trăm, vậy thì lúc nào nữ đạo sĩ là đến thời kỳ, có kinh nguyệt, khi ấy thừa đạo sĩ, ông có thể chạm vào lỗ rún bằng ngón tay cái bên phải, do việc ấy nàng ấy sẽ mang thai. Chính điều ấy là sự đã được hội tụ của việc nhập vào bào thai.’ ‘Này Kosiya, tôi có thể thực hiện điều ấy. Chỉ chừng ấy thì sự khổ hạnh của chúng tôi sẽ không bị đổ vỡ. Hãy là như thế.’ Họ đã chấp nhận.

Hơn nữa, vào thời điểm ấy, ở cõi Trời có vị Thiên tử có thiện căn dồi dào, có tuổi thọ đã cạn kiệt, đã đạt đến sự chấm dứt tuổi thọ, có khả năng hạ sanh theo như ước muốn, thậm chí vào gia tộc của đức Chuyển Luân. Khi ấy, Thiên chủ Sakka đã đi đến gặp vị Thiên tử ấy và nói như vậy: ‘Thưa ngài, hãy đến, là ngày vô cùng rạng rỡ cho ngài. Việc thành công có ý nghĩa đã đến, là việc trăm đã đi đến phục vụ cho ngài, ngài sẽ có chốn cư ngụ ở nơi đáng yêu, sẽ có sự tái sanh ở gia tộc thích hợp, sẽ có sự được nuôi dưỡng bởi cha mẹ tốt lành, hãy đến, hãy làm theo lời nói của trăm.’ Rồi đã chấp tay ở đỉnh đầu thỉnh cầu đến lần thứ nhì, thỉnh cầu đến lần thứ ba. Do đó, vị Thiên tử ấy đã nói như vậy: ‘Thưa ngài, gia tộc nào mà ngài liên tục ca tụng lập đi lập lại?’ ‘Là đạo sĩ Dukūla và nữ đạo sĩ Pārikā.’ Lắng nghe lời nói của vị ấy, vị Thiên tử đã hoan hỷ chấp nhận: ‘Thưa ngài, tốt lắm! Vậy hãy theo ước muốn của ngài. Thưa ngài, tôi đang mong ước có thể sanh ra ở chủng loại đã được mong mỏi. Vậy tôi được sanh ra ở chủng loại nào: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hay hóa sanh?’ ‘Thưa ngài, ngài được sanh ra theo lối thai sanh.’

6. Atha sakko devānamindo uppattidivasam vigaṇetvā dukūlassa tāpasassa ārocesi: ‘Asukasmim nāma divase tāpasī utunī bhavissati pupphavatī, tadā tvaṃ bhante dakkhiṇena hatthaṅguṭṭhena nābhiṃ parāmaseyyāsī ’ti. Tasmim mahārāja divase tāpasī utunī pupphavatī ahoṣi, devaputto ca tatthūpago paccupaṭṭhito ahoṣi. Tāpaso ca dakkhiṇena hatthaṅguṭṭhena tāpasīyā nābhiṃ parāmasi. Iti te tayo sannipātā ahesuṃ. Nābhiparāmasanena tāpasīyā rāgo udapādi. So panassā rāgo nābhiparāmasanam paṭicca. Mā taṃ sannipātaṃ ajjhācārameva maññi. Ūhasanampi sannipāto. Ullapanampi sannipāto. Upanijjhāyanampi sannipāto. Pubbhāgabhāvato rāgassa uppādāya āmasanena sannipāto jāyati. Sannipātā okkamanam hoti.

7. Anajjhācāre ’pi mahārāja parāmasanena gabbhāvakkanti hoti. Yathā mahārāja aggi jalamāno aparāmasanenāpi upagatassa sītaṃ vyapahanti, evameva kho mahārāja anajjhācāre ’pi parāmasanena gabbhassāvakkanti hoti. Catunnam vasena mahārāja sattānam gabbhāvakkanti hoti: kamma-vasena yonivasena kulavasena āyācanavasena. Api ca sabbe p’ ete sattā kammambhavā kammamuṭṭhānā.

Katham mahārāja kammavasena sattānam gabbhāvakkanti hoti? Ussannakusalamūlā mahārāja sattā yadicchakam uppajjanti khattiyamahāsālakule vā brāhmaṇamahāsālakule vā gahapatimahāsālakule vā devesu vā aṇḍajāya vā yoniyā jalābujāyā vā yoniyā saṃsedajāya vā yoniyā opapātikāya vā yoniyā. Yathā mahārāja puriso aḍḍho mahaddhano mahābhogo pahūtajātarūparajato pahūtavittūpakaraṇo pahūtheadhanadhañño pahūtañātipakkho dāsim vā dāsam vā khettaṃ vā vatthum vā gāmaṃ vā nigamaṃ vā janapadaṃ vā yaṃ kiñci manasā abhipatthitaṃ yadicchakam diguṇatiguṇampi dhanam datvā kiṇāti, evameva kho mahārāja ussannakusalamūlā sattā yadicchakam uppajjanti khattiyamahāsālakule vā gahapatimahāsālakule vā devesu vā aṇḍajāya vā yoniyā jalābujāyā vā yoniyā saṃsedajāya vā yoniyā opapātikāya vā yoniyā. Evaṃ kammavasena sattānam gabbhāvakkanti hoti.

8. Katham yonivasena sattānam gabbhāvakkanti hoti? Kukkuṭānam mahārāja vātena gabbhāvakkanti hoti balākānam meghasaddena gabbhāvakkanti hoti. Sabbe ’pi devā agabbhaseyyakā sattā yeva. Tesam nānāvaṇṇena gabbhāvakkanti hoti.

6. Khi ấy, Thiên chủ Sakka, sau khi tính đếm ngày thọ sanh, đã thông báo cho đạo sĩ Dukūla rằng: ‘Vào ngày ấy, nữ đạo sĩ sẽ đến thời kỳ, có kinh nguyệt, thưa ngài, khi ấy ngài nên chạm vào lỗ rún bằng ngón tay cái bên phải.’ Tàu đại vương, vào ngày ấy nữ đạo sĩ đã đến thời kỳ, có kinh nguyệt, và vị Thiên tử đã đi đến, đã hiện diện ở nơi ấy. Và vị đạo sĩ đã chạm vào lỗ rún của vị nữ đạo sĩ bằng ngón tay cái bên phải. Như thế, các việc ấy đã là ba sự hội tụ. Do việc chạm vào lỗ rún, ái luyến đã sanh khởi ở người nữ đạo sĩ. Hơn nữa, ái luyến ấy của cô ta là do việc chạm vào lỗ rún. Xin ngài chớ nghĩ rằng việc chạm vào lỗ rún ấy chính là sự hư hỏng. Cười giỡn cũng là sự hội tụ. Ngợi khen cũng là sự hội tụ. Chú tâm cũng là sự hội tụ. Do sự sanh khởi của ái luyến đã được tạo ra trước đó, do sự chạm vào mà sự hội tụ được sanh lên. Do sự hội tụ mà có sự nhập thai.

7. Tàu đại vương, sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tàu đại vương, giống như ngọn lửa đang cháy xua đi sự lạnh cho người đã đến gần mặc dầu không có sự chạm vào. Tàu đại vương, tương tự y như thế sự nhập vào bào thai do sự chạm vào thì cũng không ở vào trường hợp hư hỏng. Tàu đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh là do bốn tác động: Do tác động của nghiệp, do tác động của nguồn gốc, do tác động của chủng loại, do tác động của sự thịnh衰. Hơn nữa, tất cả chúng sanh này có sự tạo thành do nghiệp, có sự sanh lên do nghiệp.

Tàu đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là thế nào? Tàu đại vương, các chúng sanh có thiện căn đời đời sanh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát-đế-ly giàu có, hoặc ở gia tộc Bà-la-môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư Thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguồn gốc thai sanh, hoặc từ nguồn gốc thấp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Tàu đại vương, giống như người nam có tài sản lớn, có cửa cải lớn, có đồi dào vàng bạc, đồi dào vật sở hữu dự phòng, có đồi dào tài sản và ngũ cốc, có đồi dào thân quyến và phe nhóm, sau khi cho ra tài sản đến hai ba lần rồi mua theo như ước muốn bất cứ vật gì được mong mỏi bởi tâm, hoặc là tở gái, hay tở trai, hoặc là ruộng, vườn, làng mạc, thị trấn, hay là xứ sở. Tàu đại vương, tương tự y như thế các chúng sanh có thiện căn đời đời sanh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát-đế-ly giàu có, hoặc ở gia tộc Bà-la-môn giàu có, hoặc ở gia tộc người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư Thiên, hoặc từ nguồn gốc noãn sanh, hoặc từ nguồn gốc thai sanh, hoặc từ nguồn gốc thấp sanh, hoặc từ nguồn gốc hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nghiệp nghĩa là như vậy.

8. Tàu đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là thế nào? Tàu đại vương, đối với giống gà mái thì có sự nhập vào bào thai do cơn gió, đối với loài hạc thì có sự nhập vào bào thai do cơn mưa. Thậm chí toàn bộ chư Thiên không nằm trong bào thai cũng là chúng sanh. Đối với các hạng ấy thì có sự nhập vào bào thai bằng nhiều cách thức khác nhau.

Yathā mahārāja manussā nānāvaṇṇena mahiyā caranti, keci purato paṭicchādentī, keci pacchato paṭicchādentī, keci naggā hontī, keci bhaṇḍū hontī setapaṭadharā, keci mālābaddhā¹ hontī, keci bhaṇḍukāsāvavaṇṇā hontī, keci kāsāvavaṇṇā hontī molibaddhā, keci jaṭiṇo vākacīradharā hontī, keci cammavaṇṇā hontī, keci rasmiyo nivāsenti. Sabbe p' ete manussā nānāvaṇṇena mahiyā caranti. Evameva kho mahārāja sattā yeva te sabbe. Tesam nānāvaṇṇena gabbhāvakkanti hoti. Evaṃ yonivasena sattānaṃ gabbhāvakkanti hoti.

9. Kathaṃ kulavasena sattānaṃ gabbhāvakkanti hoti? Kulaṃ nāma mahārāja cattāri kulāni aṇḍajaṃ jalābujajaṃ saṃsedajaṃ opapātikaṃ. Yadi tattha gandhabbo yato kutoci āgantvā aṇḍaje kule uppajjati, so tattha aṇḍajo hoti. —pe— jalābujje kule —pe— saṃjedaje kule —pe— opapātike kule uppajjati, so tattha opapātiko hoti. Tesu tesu kulesu tādisāyeva sattā sambhavanti. Yathā mahārāja himavati sinerupabbataṃ ye keci migapakkhino upenti, sabbe te sakavaṇṇaṃ vijahitvā suvaṇṇavaṇṇā hontī, evameva kho mahārāja yo koci gandhabbo yato kutoci āgantvā aṇḍajaṃ yoniṃ upagantvā sabhāvavaṇṇaṃ vijahitvā aṇḍajo hoti. —pe— jalābujajaṃ —pe— saṃsedajaṃ —pe— opapātikaṃ yoniṃ upagantvā sabhāvavaṇṇaṃ vijahitvā opapātiko hoti. Evaṃ kulavasena sattānaṃ gabbhāvakkanti hoti.

10. Kathaṃ āyācanavasena sattānaṃ gabbhāvakkanti hoti? Idha mahārāja kulaṃ hoti aputtakaṃ bahusāpateyyaṃ saddhaṃ pasannaṃ silavantaṃ kalyāṇadhammaṃ tapanissitaṃ, devaputto ca ussanna-kusalamūlo cavanadhammo hoti. Atha sakko devānamindo tassa kulassa anukampāya taṃ devaputtaṃ āyācati: 'Paṇidhehi mārisa amukassa kulassa mahesiyā kucchīn 'ti. So tassa āyācanahetu taṃ kulaṃ paṇidheti. Yathā mahārāja manussā puññakāmā samaṇaṃ manobhāvanīyaṃ āyācitvā geḥaṃ upanenti 'ayaṃ upagantvā sabbassa kulassa sukhāvaho bhavissatī 'ti, evameva kho mahārāja sakko devānamindo taṃ devaputtaṃ āyācitvā taṃ kulaṃ upaneti. Evaṃ āyācanavasena sattānaṃ gabbhāvakkanti hoti.

¹ molibaddhā - Ma; molibaddhā - PTS.

Tâu đại vương, giống như những con người đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau, một số trùm kín phía trước, một số trùm kín phía sau, một số thì lỏa thể, một số thì cạo đầu mang vải màu trắng, một số thì buộc tràng hoa, một số thì cạo đầu mặc y ca-sa, một số thì mặc y ca-sa cột búi tóc, một số thì bện tóc mang y bằng vỏ cây, một số thì mặc da thú, một số quấn các sợi dây. Tất cả những con người này đi lại trên trái đất theo nhiều cách thức khác nhau. Tâu đại vương, tương tự y như thế chúng sanh chính là tất cả các hạng ấy. Đối với các hạng ấy thì có sự nhập vào bào thai bằng nhiều cách thức khác nhau. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của nguồn gốc nghĩa là như vậy.

9. Tâu đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là thế nào? Tâu đại vương, chủng loại nghĩa là có bốn chủng loại: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh. Ở đây nếu chúng sanh đi đâu thai từ bất cứ nơi đâu đi đến rồi sanh lên ở chủng loại noãn sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng noãn sanh. —(như trên)— ở chủng loại thai sanh —(như trên)— ở chủng loại thấp sanh —(như trên)— sanh lên ở chủng loại hóa sanh, trong trường hợp ấy nó là hạng hóa sanh. Các chúng sanh như thế ấy hiện hữu trong các chủng loại ấy. Tâu đại vương, giống như các con thú hay loài có cánh nào đó đi đến Hi-mã-lạp hoặc núi Sineru, tất cả bọn chúng lìa bỏ màu sắc của mình và trở thành màu sắc vàng chói. Tâu đại vương, tương tự y như thế chúng sanh đi đâu thai nào đó từ bất cứ nơi đâu đi đến rồi nhập vào nguồn gốc noãn sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng noãn sanh. —(như trên)— nhập vào nguồn gốc thai sanh —(như trên)— thấp sanh —(như trên)— hóa sanh thì lìa bỏ vóc dáng thuộc về bản chất và trở thành hạng hóa sanh. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của chủng loại nghĩa là như vậy.

10. Tâu đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của sự thỉnh cầu nghĩa là thế nào? Tâu đại vương, ở đây có gia tộc không có con trai, có nhiều của cải thừa tự, có đức tin, tịnh tín, có giới hạnh, có tư cách tốt đẹp, sống theo hạnh khắc khổ, và có vị Thiên tử có thiện căn dồi dào và đến thời tử vong. Khi ấy, Thiên chủ Sakka vì lòng thương tưởng đến gia tộc ấy đã thỉnh cầu vị Thiên tử ấy rằng: ‘Thưa ngài, xin ngài hãy ngự đến tử cung của người vợ chánh ở gia tộc kia.’ Do nguyên nhân thỉnh cầu của vị ấy, vị Thiên tử ngự đến gia tộc ấy. Tâu đại vương, giống như những người có lòng mong mỏi phước báu sau khi thỉnh cầu vị Sa-môn xứng đáng được phát tâm, thì đi về nhà (nghĩ rằng): ‘Vị này sau khi đến sẽ là nguồn an lạc cho toàn bộ gia tộc.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế Thiên chủ Sakka sau khi thỉnh cầu vị Thiên tử ấy thì đi đến gia tộc ấy. Sự nhập vào bào thai của chúng sanh do tác động của sự thỉnh cầu nghĩa là như vậy.

11. Sāmo mahārāja kumāro sakkena devānamindena āyācito pārikāya tāpasiyā kucchiṃ okkanto. Sāmo mahārāja kumāro katapuñño. Mātāpitāro sīlavanto kalyāṇadhammā. Āyācanako sakko. Tiṇṇaṃ cetopañidhiyā sāmo kumāro nibbatta. Idha mahārāja nayakusalo puriso sukaṭṭhe anūpakhette bijaṃ ropeyya. Api nu tassa bījassa antarāyaṃ vivajjentassa vuddhiyā koci antarāyo bhavyeyā ”ti?

“Na hi bhante. Nirupaghātaṃ bijaṃ khippaṃ saṃvirūheyyā ”ti.

“Evameva kho mahārāja sāmo kumāro mutto uppannantarāyehi tiṇṇaṃ cetopañidhiyā nibbatta. Api nu kho mahārāja sutapubbaṃ tayā isiṇaṃ manopadosena iddho phito mahājanapado sajana samucchinno ”ti?

“Āma bhante sūyati mahiyā daṇḍakāraññaṃ mejjhāraññaṃ kāliṅgāraññaṃ mātaṅgāraññaṃ sabbantaṃ araññaṃ araññabhūtaṃ sabbe p’ ete janapadā isiṇaṃ manopadosena khayaṃ gatā ”ti.

“Yadi mahārāja tesāṃ manopadosena susamiddhā janapadā ucchijjanti, api nu kho tesāṃ manopasādena kiñci sukhaṃ nibbatteyyā ”ti?
“Āma bhante ”ti.

“Tena hi mahārāja sāmo kumāro tiṇṇaṃ balavantānaṃ cetopasādena nibbatta isinimmito devanimmito puññanimmito ”ti.

“Evametaṃ mahārāja dhārehi. Tayo ’me mahārāja devaputtā sakkena devānamindena āyācitā kulaṃ uppannā. Katame tayo? Sāmo kumāro, mahāpanādo, kusarājā. Tayo p’ ete bodhisattā ”ti.

“Suniddiṭṭhā bhante nāgasena gabbhāvakkanti. Sukathitaṃ kāraṇaṃ. Andhakāre āloko kato. Jaṭā vijaṭitā. Nippabhā¹ parappavādā. Evametaṃ tathā sampaṭicchāmī ”ti.

Gabbhāvakkantipaṇho chaṭṭho.

¹ nicchuddhā - Ma, PTS.

11. Tàu đại vương, cậu bé trai Sāma được Thiên chủ Sakka thỉnh cầu đã nhập bào tử cung của nữ đạo sĩ Pārikā. Mẹ và cha là người có giới hạnh, có tư cách tốt đẹp. Người thỉnh cầu là Sakka. Cậu bé trai Sāma được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tàu đại vương, ở đây có người nam rành rẽ cách thức gieo hạt giống ở thửa ruộng ẩm được cày kỹ lưỡng. Trong khi hạt giống ấy đang được ngăn ngừa tai họa, phải chăng có thể có tai họa nào đó cho sự phát triển của nó?”

“Thưa ngài, không thể. Hạt giống không bị hãm hại thì có thể tăng trưởng nhanh chóng.”

“Tàu đại vương, tương tự y như thế cậu bé trai Sāma, được thoát khỏi các tai họa đã khởi lên, đã được sanh ra do tâm nguyện của ba người. Tàu đại vương, phải chăng ngài đã được nghe trước đây có xứ sở rộng lớn, giàu có, thịnh vượng, có dân cư, đã bị tiêu diệt hoàn toàn bởi tâm khởi sân của các vị ẩn sĩ?”

“Thưa ngài, đúng vậy. Điều được nghe là ở trái đất khu rừng Daṇḍaka, khu rừng Mejjha, khu rừng Kāliṅga, khu rừng Mātāṅga, tất cả các khu rừng ấy đã trở thành không còn là rừng, có trạng thái không phải là rừng, và toàn bộ các xứ sở này cũng đã đi đến hoại diệt bởi tâm khởi sân của các vị ẩn sĩ.”

“Tàu đại vương, nếu các xứ sở vô cùng giàu có bị tiêu diệt bởi tâm khởi sân của những vị ấy, phải chăng có sự an lạc nào đó có thể sanh lên bởi sự hoan hỷ ở tâm của các vị ấy?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tàu đại vương, chính vì điều ấy cậu bé trai Sāma đã được sanh ra do sự hoan hỷ ở tâm của ba hạng có năng lực là: được tạo ra bởi hai vị ẩn sĩ, được tạo ra bởi vị Thiên nhân, được tạo ra do phước báu.”

“Tàu đại vương, hãy nắm giữ điều này như thế. Tàu đại vương, được thỉnh cầu bởi Thiên chủ Sakka, ba vị Thiên tử này đã sanh lên ở gia tộc. Ba vị nào? Cậu bé trai Sāma, (vương tử) Mahāpanāda,¹ và đức vua Kusa.² Cả ba người này đều là các đức Bồ Tát.”

“Thưa ngài Nāgasena, sự nhập vào bào thai đã được xác định rõ ràng. Lý do đã được giảng giải rõ ràng. Ánh sáng đã được tạo ra ở nơi tắm tối. Cục rối đã được tháo gỡ. Học thuyết của những kẻ khác không còn chói sáng. Điều ấy là vậy, trăm chấp nhận theo như thế ấy.”

Câu hỏi về sự nhập vào bào thai là thứ sáu.

¹ Bốn Sanh 489.

² Bốn Sanh 531.